TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương** và ông **Hà Ứng Cương**

- Thư kY phiên Tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư kY Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 28/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc *"Xin ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc H**, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp VH I, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1966

Nơi cư trú: ấp VH I, xã VHP, huyện CT, tỉnh KG

(Ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày:* Vào năm 2004, bà và ông Phạm Văn T quen nhau và có làm lễ cưới sau đó đăng kY kết hôn tại UBND xã XH, huyện KS, tỉnh ST. Thời gian đầu chúng tôi chung sống rất hòa thuận, hạnh phúc và có

02 người con chung Phạm Ngọc V, sinh ngày 22/7/2002 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013 nhưng đến khoảng thời gian gần đây thì giữa ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Do đó bà đã sống ly thân với ông T từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa bà Lê Ngọc H có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với ông Phạm Văn T

- Về việc nuôi con chung: Do Phạm Ngọc V, sinh ngày 22/7/2002 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Phạm Văn T:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, ông T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án. Nhưng qua thời gian luật định ông T vẫn không có văn bản tự khai và cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Sau đó, Tòa án tiếp tục tống đạt cũng như niêm yết nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Y kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư kY thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H, cho bà Lê Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao 01 người con chung Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013 cho bà Lê Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Ngọc H xác định là không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc H thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn Lê Ngọc H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "Xin ly hôn và nuôi con chung".

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập, tống đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Phạm Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Ngọc H thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn T theo quy định pháp luật.

[4] - Về nội dung: Bà Lê Ngọc H và ông Phạm Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện KS, tỉnh ST cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Ngọc H xác nhận, sau khi kết hôn thì giữa bà và ông T chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì giữa ông bà hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Đối với ông Phạm Văn T mặc dù Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên bà H và ông T có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T vẫn vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông T có mặt tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt. Tại phiên toà, bà Lê Ngọc H vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông Phạm Văn T và trên thực tế ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, xét thấy việc Lê Ngọc H xin được ly hôn đối với ông Phạm Văn T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Lê Ngọc H đối với ông Phạm Văn T.

[5] Về con chung: Bà Lê Ngọc H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung là Phạm Ngọc V, sinh ngày 22/7/2002 và Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013. Do hiện nay Phạm Ngọc V, sinh ngày 22/7/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Còn Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013 chưa đủ 18 tuổi và hiện đang sống cùng bà Lê Ngọc H. Nay bà Lê Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013 và không yêu cầu ông Phạm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy kể từ sau khi anh chị sống ly thân cho đến nay bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Y và bà vẫn chăm sóc tốt cho cháu nên HĐXX thống nhất tiếp tục giao cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013 cho bà Lê Ngọc H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Ngọc H không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] - Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông Phạm Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Phạm Văn T vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất để xác định về tài sản chung cũng như nợ chung giữa anh chị được. Mặt khác, tại phiên toà bà Lê Ngọc H khẳng định ông bà không tạo lập được tài sản gì chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét nếu sau này ông bà hoặc cơ quan tổ chức, cá nhân nào khác có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bà Lê Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng chị được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001273 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Ngọc H đối với bị đơn ông Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Ngọc H được ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Thị Như Y, sinh ngày 19/12/2013 cho bà Lê Ngọc H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Lê Ngọc H không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Ngọc H xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Ngọc H xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001273 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Tấn Đẩu